



VẬN DỤNG MÔ HÌNH LIÊN KẾT VÀO DẠY ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU TRUYỆN CHO HỌC SINH LỚP 10

Applying the constructive alignment to teaching reading comprehension to develop reading story comprehension skills for grade 10 students

Nguyễn Thị Hồng Nam⁽¹⁾, Bùi Thị Ngọc Trâm^{(2)*}

⁽¹⁾Trường Đại học Cần Thơ

⁽²⁾Trường Trung học Phổ thông Ngô Sĩ Liên (Kiên Giang)

TÓM TẮT

Các yêu cầu cần đạt (kết quả đầu ra) được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chi phối cách thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá. Giáo viên dạy các môn học, trong đó có môn Ngữ văn, cần hiểu rõ yêu cầu cần đạt, biết cách hướng dẫn học sinh đạt được các yêu cầu cần đạt thì khi làm bài kiểm tra, học sinh mới có thể đạt được các yêu cầu này. Đã có nhiều nghiên cứu về mô hình liên kết kết quả đầu ra với hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá ở bậc đại học. Nghiên cứu này được thực hiện ở lớp 10A2 (Trường THPT X, tỉnh Kiên Giang, năm học 2022-2023) nhằm trả lời cho hai câu hỏi: Vận dụng mô hình liên kết vào dạy kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện cho học sinh như thế nào? Mô hình này có góp phần phát triển kỹ năng đọc hiểu cho học sinh không? Kết quả thực nghiệm đã chứng minh hiệu quả của việc sử dụng mô hình liên kết đối với kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện của học sinh.

Từ khóa: mô hình liên kết, dạy đọc hiểu, đánh giá, kỹ năng đọc hiểu truyện

ABSTRACT

The learning outcomes specified in the 2018 General Education Program govern how teaching, learning, and assessment are organized. Teachers, including Literature teachers, should clearly understand the required learning outcomes and know how to guide students to achieve those requirements so that when taking the test, students can demonstrate their ability in these outcomes. There have been many studies on the model of constructive alignment which links learning outcomes with teaching and assessment activities at the university level however not many studies at the high school level. Therefore, this study was conducted in class 10A2 (X High School, Kien Giang Province, school year 2022-2023) to answer two questions: How to employ the constructive alignment model to teach reading comprehension skills to high school students? Does this model contribute to developing the reading comprehension skills of high school students? The experimental results demonstrated the effectiveness of using the constructive alignment model on students' reading comprehension skills of story texts.

Keywords: *constructive alignment, teaching reading comprehension, assessment, story comprehension skills*

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) tổng thể (2018) nêu vai trò của

các yêu cầu cần đạt (YCCĐ) là "căn cứ để xây dựng chương trình môn học và hoạt động giáo dục, biên soạn sách giáo khoa và

*Tác giả liên hệ: ngoctramnsl@gmail.com

tài liệu hướng dẫn dạy học, đánh giá kết quả giáo dục học sinh (HS) và chất lượng giáo dục phổ thông" (tr.7). Do vậy, để thực hiện tốt chương trình, giáo viên (GV) cần: (1) hiểu rõ các YCCĐ; (2) biết cách tổ chức các hoạt động dạy học nhằm giúp HS từng bước đạt được các YCCĐ; (3) biết cách thiết kế các đề kiểm tra dựa trên các YCCĐ. Để thực hiện nhiệm vụ trên, chúng tôi vận dụng mô hình liên kết (constructive alignment model) kết quả đầu ra (còn gọi là YCCĐ) – đánh giá – các hoạt động dạy và học của Biggs và Tang (2011) vào thiết kế các hoạt động dạy học và kiểm tra môn Ngữ văn để giúp HS lớp 10 đạt được các YCCĐ về kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện được quy định trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Mô hình liên kết trong dạy học của Biggs và Tang

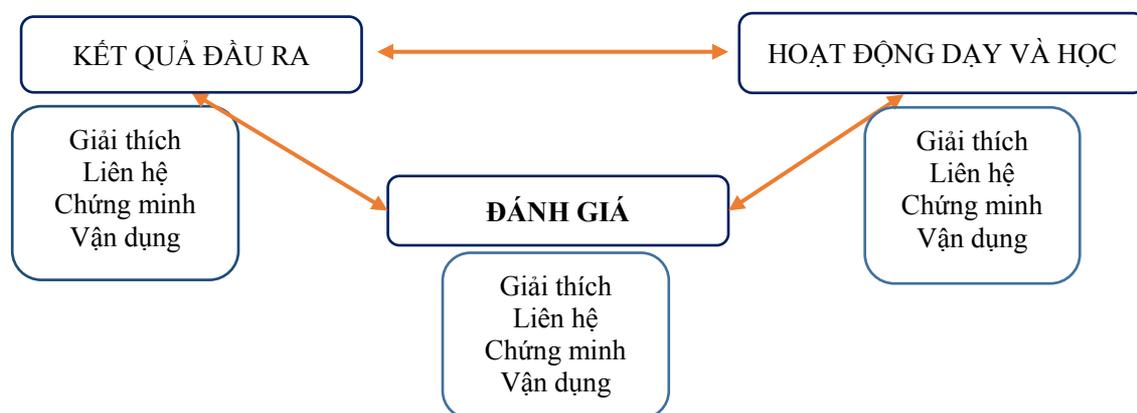
Constructive Alignment (Biggs và Tang,

2011) là mô hình được xây dựng dựa trên sự liên kết giữa ba thành tố: kết quả đầu ra, hoạt động dạy và học và bài tập đánh giá trong một chương trình giáo dục. Cụ thể là:

(1) Kết quả đầu ra thể hiện những gì HS có thể làm được sau khi kết thúc bài học. HS biết là cần phải biết làm gì thì sẽ điều chỉnh cách học, từ học để biết sang học để vận dụng kiến thức. Kết quả đầu ra là chìa khóa của cách tiếp cận tích hợp khi dạy học theo hướng phát triển năng lực.

(2) Các bài tập đánh giá thường xuyên và định kỳ đều phải đo được mức độ hoàn thành kết quả đầu ra và đánh giá xác thực năng lực của HS. GV cần thiết kế tiêu chí đánh giá, bao gồm các minh chứng thể hiện năng lực thực hiện nhiệm vụ của HS.

(3) Các hoạt động học tập được thiết kế để HS tự kiến tạo kiến thức, thực hành dựa trên kiến thức nền, tương tác với các HS khác nhằm đạt được kết quả đầu ra.



Sơ đồ 1. Mối liên hệ giữa kết quả đầu ra - đánh giá – hoạt động dạy học

Constructive Alignment đã được các trường đại học trên toàn thế giới áp dụng rộng rãi, khi họ thiết kế chương trình và tổ chức dạy học dựa trên kết quả đầu ra (Outcome-Based Education) và học tập lấy sinh viên làm trung tâm, ví dụ như University of Hong Kong (HKU),

University of Sydney, University of Melbourne, Monash University,... Tuy nhiên, mô hình này không chỉ phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học mà còn phù hợp với giáo dục phổ thông, đặc biệt là CTGDPT 2018 bởi chương trình yêu cầu sự gắn kết chặt chẽ giữa kết quả đầu ra/

YCCĐ với hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá.

2.2 Kết quả đầu ra / yêu cầu cần đạt của môn học

Trong chương trình 2018, YCCĐ là "kết quả mà HS cần đạt được về phẩm chất và năng lực sau mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học" (CTGDPT tổng thể, 2018, tr. 32). Khi thiết kế các hoạt động dạy và học, GV cần trả lời các câu hỏi: Kết quả đầu ra có thể quan sát được không? Làm thế nào để GV và HS biết rằng họ đã đạt được kết quả đầu ra? Những minh chứng nào mà GV mong muốn thu nhận để thể hiện việc HS đã đạt được kết quả đầu ra? Những hành vi hoặc hành động nào thể hiện HS đã đạt được kết quả đầu ra? (Potter và Kustra, 2012).

Các YCCĐ về kỹ năng đọc hiểu văn bản văn học được quy định đối với cho HS lớp 10, được thể hiện trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 (từ trang 59 đến trang 60). Đây là căn cứ mà chúng tôi đã dựa vào để thiết kế các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện của HS.

Về phương pháp dạy đọc hiểu văn bản, CTGDPT môn Ngữ văn yêu cầu "Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc" (tr. 81); về đánh giá, chương trình quy định: "Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các YCCĐ về phẩm chất, năng lực đối với HS mỗi lớp học, cấp học đã quy định trong chương trình" (tr. 85).

Như vậy, việc vận dụng mô hình liên kết của Biggs và Tang (2011) vào thiết kế các hoạt động dạy – học và kiểm tra đánh giá là một trong những giải pháp để đạt

được mục tiêu mà chương trình đề ra: giúp HS hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu văn bản.

2.3. Thực nghiệm sư phạm

2.3.1. Nội dung và tiến trình thực nghiệm

Nội dung thực nghiệm là ba văn bản: *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*, *Dưới bóng hoàng lan*, *Một chuyện đùa nho nhỏ* (Ngữ văn 10, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). Đối tượng tham gia thực nghiệm là 47 HS lớp 10A2 (80% học lực trung bình khá, căn cứ vào kết quả kiểm tra đầu năm học), Trường THPT X, Rạch Giá, Kiên Giang. Tổng số tiết thực nghiệm là 7 tiết. Các dữ liệu được thu thập trong quá trình thực nghiệm gồm: các kế hoạch bài dạy, phiếu học tập (PHT) cá nhân của HS, PHT nhóm của HS, kết quả bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm.

Tiến trình thực nghiệm được thực hiện như sau:

Bước 1: Xác định và chọn lựa một số YCCĐ (được quy định trong chương trình môn Ngữ văn 2018) và bổ sung mức nhận biết (xem bảng 1 và 2). Lí do của việc bổ sung là: các YCCĐ của chương trình 2018 ở bậc THPT ở mức phân tích, đánh giá, trong khi 2022-2023 là năm học đầu tiên thực hiện chương trình mới đối với HS lớp 10, trước đó, các em học chương trình 2006 (chương trình định hướng nội dung, không chú trọng kỹ năng đọc hiểu) mà HS không thể đạt mức phân tích, đánh giá nếu trước đó không đạt mức nhận biết.

Bước 2: Xây dựng tiêu chí đánh giá kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện dựa trên các YCCĐ đã xác định, điều chỉnh; biên soạn đề và tổ chức kiểm tra trước và sau thực nghiệm.

Bảng 1. Tiêu chí đánh giá kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện

Kỹ năng đọc hiểu		Mức đạt được				
		4	3	2	1	0
Nhận biết cốt truyện		Xác định đầy đủ, chính xác các sự kiện chính	Xác định tương đối đầy đủ các sự kiện chính	Xác định không đầy đủ các sự kiện chính	Chưa biết xác định các sự kiện chính	Bỏ trống, không làm
Ngôi kể	Nhận biết	Xác định đúng ngôi kể và nêu đầy đủ căn cứ xác định	Xác định đúng ngôi kể, nêu chưa đầy đủ căn cứ (thiếu 1 ý)	Xác định đúng ngôi kể, nêu sai căn cứ	Xác định sai ngôi kể và căn cứ	Bỏ trống, không làm
	Phân tích tác dụng	Phân tích tốt tác dụng của ngôi kể	Phân tích khá tốt tác dụng của ngôi kể	Phân tích được một số tác dụng của việc chọn ngôi kể	Phân tích sai tác dụng	Bỏ trống, không làm
Điểm nhìn	Nhận biết	Xác định đúng điểm nhìn	Xác định khá đúng điểm nhìn	xác định chưa đầy đủ điểm nhìn (thiếu 1 ý)	Xác định sai điểm nhìn	Bỏ trống, không làm
	Phân tích tác dụng	Phân tích đúng tác dụng của việc chọn điểm nhìn	Phân tích khá đúng tác dụng của việc chọn điểm nhìn	Phân tích chưa đầy đủ tác dụng của việc chọn điểm nhìn (thiếu 1 ý)	Phân tích sai tác dụng của việc chọn điểm nhìn	Bỏ trống, không làm
Lời người kể chuyện, lời nhân vật	Nhận biết	Xác định đúng lời của người kể chuyện và lời nhân vật; giải thích đúng lí do xác định	Xác định đúng lời của người kể chuyện và lời nhân vật; giải thích sai lí do xác định	Xác định đúng lời của kể chuyện hoặc lời nhân vật; giải thích sai lí do xác định	Xác định sai lời của kể chuyện và lời nhân vật; giải thích sai lí do xác định	Bỏ trống, không làm
	Phân tích nội dung biểu đạt	Phân tích đầy đủ, chính xác nội dung biểu đạt của lời người kể chuyện và lời nhân vật	Phân tích khá đầy đủ nội dung biểu đạt của lời người kể chuyện và lời nhân vật	Phân tích chưa đầy đủ nội dung biểu đạt của lời người kể chuyện và lời nhân vật (thiếu 1 ý)	Phân tích sai nội dung biểu đạt của lời người kể chuyện hoặc lời nhân vật	Bỏ trống, không làm

Kĩ năng đọc hiểu		Mức đạt được				
		4	3	2	1	0
Cảm hứng chủ đạo	Nhận biết	Xác định đúng cảm hứng chủ đạo	Xác định khá đúng cảm hứng chủ đạo	Xác định chưa đầy đủ cảm hứng chủ đạo	Xác định sai cảm hứng chủ đạo	Bỏ trống, không làm
	Phân tích biểu hiện	Phân tích đầy đủ các biểu hiện của cảm hứng chủ đạo thể hiện trong tác phẩm	Phân tích khá đủ các biểu hiện của cảm hứng chủ đạo	Phân tích được một số biểu hiện của cảm hứng chủ đạo	Không phân tích được biểu hiện nào của cảm hứng chủ đạo	Bỏ trống, không làm
	Đánh giá	Nhận xét sâu sắc ý nghĩa của cảm hứng chủ đạo trong truyện	Nhận xét khá sâu sắc ý nghĩa của cảm hứng chủ đạo trong truyện	Nhận xét chưa sâu sắc ý nghĩa của cảm hứng chủ đạo trong truyện	Chưa nhận xét được ý nghĩa của cảm hứng chủ đạo trong truyện	Bỏ trống, không làm
Nêu được ý nghĩa/ tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.		Thể hiện được suy nghĩ, tình cảm sâu sắc, phù hợp với vấn đề được đặt ra trong văn bản.	Thể hiện được suy nghĩ, tình cảm khá sâu sắc, phù hợp với vấn đề được đặt ra trong văn bản.	Thể hiện được suy nghĩ, tình cảm của bản thân nhưng chưa sâu sắc	Chưa thể hiện được suy nghĩ, tình cảm của bản thân	Bỏ trống, không làm

Văn bản *Nhà mẹ Lê* (Thạch Lam) được chọn làm đề kiểm tra thực nghiệm. Đây là văn bản có thể loại và dung lượng tương đương với ba văn bản mà HS sẽ được học trong quá trình thực nghiệm. Các câu hỏi trong đề được thiết kế dựa trên YCCĐ về kĩ năng đọc hiểu truyện (cốt truyện, ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể

chuyện, lời nhân vật, cảm hứng chủ đạo, ý nghĩa/ tác động của tác phẩm văn học đối với cá nhân). Thời gian làm bài 45 phút.

Bước 4: Tổ chức thực nghiệm: thiết kế hệ thống câu hỏi hướng dẫn HS đọc hiểu ba văn bản trong sách giáo khoa. Hệ thống câu hỏi được thiết kế dựa trên YCCĐ (thể hiện trong bảng 1). Dưới đây là một ví dụ cụ thể:

Bảng 2. Hệ thống nhiệm vụ học tập cho văn bản *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam)

Yêu cầu cần đạt	Nhiệm vụ học tập
Nhận biết cốt truyện	PHT số 1: Tóm tắt các sự việc chính của truyện
Nhận biết và phân tích được ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất	PHT số 2: Truyện được ở ngôi thứ mấy? Căn cứ để xác định được ngôi kể đó? Vì sao tác giả lựa chọn ngôi kể trên?
Nhận biết và phân tích được tác dụng của điểm nhìn	PHT số 3: Theo em, truyện được kể từ điểm nhìn của ai? Việc chọn điểm nhìn như vậy có tác dụng gì?
Nhận biết và phân tích được lời người kể chuyện và lời nhân vật	PHT số 4: Xác định lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong đoạn trích sau. Căn cứ xác định? Phân tích nội dung biểu đạt qua lời người kể chuyện, lời nhân vật: “Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm, và mến thương. - Đi vào trong nhà không nằng cháu.”
Nhận biết, phân tích, đánh giá được cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản	PHT số 5: Khái quát cảm hứng chủ đạo của truyện. Nêu một số yếu tố về nội dung và nghệ thuật của truyện đã góp phần thể hiện cảm hứng chủ đạo. Nhận xét về cảm hứng chủ đạo.
Nêu được ý nghĩa/ tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.	PHT số 6: Bối cảnh của truyện là những không gian quen thuộc. Truyện gợi cho em suy nghĩ gì về giá trị của những không gian sống đó đối với mỗi người?

Sau khi thực nghiệm, HS làm bài kiểm tra đọc hiểu văn bản *Thương quá rau răm* (Nguyễn Ngọc Tư). Nội dung, số câu hỏi, thời gian làm bài tương đồng với đề kiểm

tra trước thực nghiệm.

2.3.2. Kết quả thực nghiệm

Kết quả phân tích 47 bài kiểm tra dựa trên tiêu chí đã thiết kế như sau:

Bảng 3. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát trước thực nghiệm

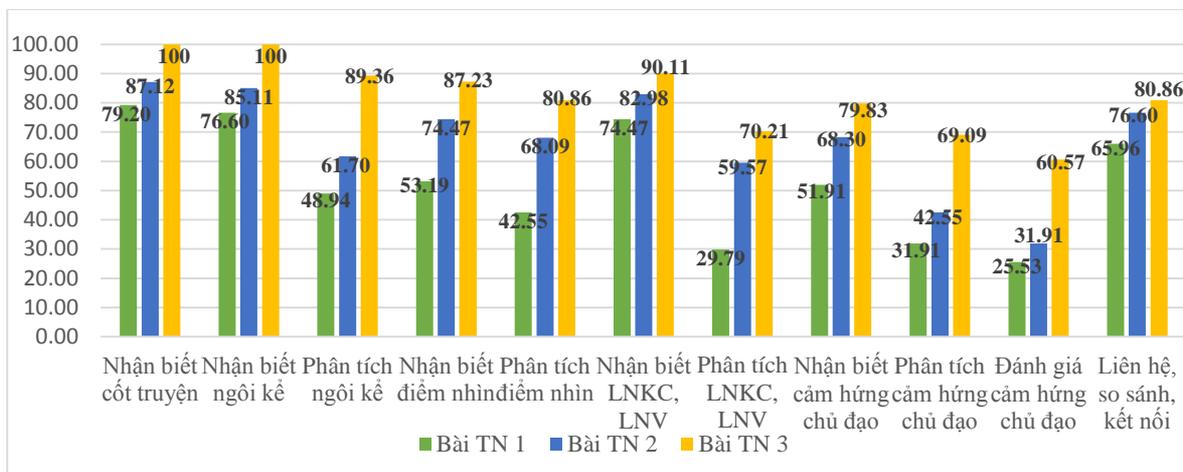
Kĩ năng đọc hiểu		Mức đạt được				
		4	3	2	1	0
Nhận biết cốt truyện		0	1 (2,13%)	29 (61,70%)	15 (31,91%)	2 (4,26%)
Ngôi kể	Nhận biết	1 (2,13%)	18 (38,30%)	21 (44,68%)	5 (10,64%)	2 (4,26%)
	Phân tích tác dụng	0	3 (6,38%)	5 (10,64%)	24 (51,06%)	15 (31,91%)

Kĩ năng đọc hiểu		Mức đạt được				
		4	3	2	1	0
Điểm nhìn	Nhận biết	0	5 (10,64%)	6 (12,77%)	26 (55,32%)	10 (21,28%)
	Phân tích tác dụng	0	0	8 (17,02%)	20 (42,55%)	19 (40,43%)
Lời người kể chuyện, lời nhân vật	Nhận biết	0	16 (34,04%)	28 (59,57%)	1 (2,13%)	2 (4,26%)
	Phân tích nội dung biểu đạt	0	0	15 (31,91%)	11 (23,41%)	21 (44,68%)
Cảm hứng chủ đạo	Nhận biết	0	2 (4,26%)	5 (10,64%)	13 (27,66%)	27 (57,44%)
	Phân tích	0	0	5 (10,64%)	12 (25,53%)	30 (63,83%)
	Đánh giá	0	0	4 (8,51%)	11 (23,41%)	32 (68,08%)
Nêu được ý nghĩa/ tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc		0	13 (27,66%)	30 (63,83%)	4 (8,51%)	0

Kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện của HS ở giai đoạn trước thực nghiệm chủ yếu đạt ở mức nhận biết hoặc nhận biết chưa đầy đủ các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản, nhầm lẫn các yếu tố hình thức của văn bản như ngôi kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật, điểm nhìn. HS gần như không có kĩ năng phân tích và đánh giá. Nhiều HS chưa nhận diện và khái quát được cảm hứng chủ đạo của văn bản. Tỷ lệ HS đạt yêu cầu về kĩ năng ở mức 4 hoặc 3 rất thấp, trong khi đó tỷ lệ HS xác định sai và bỏ trống (mức 1 và mức 0) khá cao. Kĩ năng tốt nhất là vận dụng, liên hệ văn bản với bản thân và thực tiễn nhưng cách thể hiện của HS vẫn còn khá chung chung. Lí

do là trong chương trình 2006, GV chủ yếu dạy theo kiểu cung cấp kiến thức có sẵn cho HS, không chú ý rèn luyện kĩ năng đọc hiểu nội dung, hình thức của văn bản. Riêng kĩ năng vận dụng, liên hệ của HS thì tương đối tốt do nội dung văn bản *Nhà mẹ Lê* gần gũi với HS.

Tiếp theo, chúng tôi xây dựng kế hoạch bài dạy. Hệ thống câu hỏi của mỗi bài dạy được thể hiện trên các PHT cá nhân (HS chuẩn bị ở nhà) và PHT nhóm (nhóm HS thực hiện trên lớp). Kết quả của 7 tiết thực nghiệm được phân tích qua các PHT nhóm của cả lớp (gồm 12 nhóm) dựa trên tiêu chí đã xây dựng (xem biểu đồ sau):



Biểu đồ 1: Kết quả thực nghiệm ba bài

Kĩ năng đọc hiểu hình thức của HS sau 3 bài thực nghiệm có sự tiến bộ đáng kể. Ở mức độ nhận biết hình thức (cốt truyện, ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện và lời nhân vật), 53% đến 100% HS đạt được; trong đó kĩ năng nhận biết cốt truyện và nhận biết ngôi kể đạt 100% ở bài thực nghiệm 3. Ở mức độ phân tích, tỉ lệ HS đạt được thấp hơn, nhưng vẫn tăng qua 3 bài thực nghiệm, đạt từ khoảng 29% đến 89%. Riêng kĩ năng phân tích lời người kể chuyện và lời nhân vật ở bài thực nghiệm 1 chỉ đạt 29.79% thì đến bài thực nghiệm 3 đạt 70.21%, tăng 40.42%. Điều này chứng tỏ HS đã nhận diện và phân tích được các yếu tố hình thức của văn bản. Tương tự, kết quả kĩ năng đọc hiểu nội dung ở mức độ nhận biết cũng tăng từ 51.91% lên 79.83%. Đặc biệt kĩ năng phân tích và đánh giá cảm hứng chủ đạo của văn bản mà trước thực nghiệm HS còn rất yếu thì sau ba bài thực nghiệm cũng có sự tiến bộ (phân tích từ 31.91% tăng lên 69.09%; đánh giá tăng từ 25.53% lên 60.57%). HS không chỉ nhận biết các yếu tố hình thức và nội dung mà còn biết phân tích tác dụng của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung. Ví dụ trong bài thực nghiệm 2 *Dưới bóng hoàng lan*, nhóm HS mã số 12

xác định cảm hứng chủ đạo là “ca ngợi tình cảm gia đình, tình cảm đối với quê hương”; các em cũng phân tích được các cơ sở về hình thức để làm căn cứ xác định cảm hứng chủ đạo là: tình cảm yêu thương của người bà đối với Thanh và tình cảm yêu quý, kính trọng của Thanh dành cho bà; bối cảnh của câu chuyện là ở quê nhà, khi Thanh về thăm quê, thăm bà. Từ đó các em đưa ra nhận xét đó là tình cảm thiêng liêng đối với mỗi người.

Kĩ năng liên hệ, so sánh, kết nối của HS cũng tăng lên. Ở bài thực nghiệm 3, khi GV nêu câu hỏi “Câu chuyện của nhân vật “tôi” gọi cho em suy nghĩ gì về cách ứng xử của mỗi người đối với những sai lầm đã mắc phải?”, HS mã số 20 viết “Bản thân em đã từng mắc phải một sai lầm vào năm lớp 9. Em đã chê bai ngoại hình của một bạn học cùng lớp. Điều này đã khiến bạn ấy mặc cảm và có ý định nghỉ học. Nhờ sự nhắc nhở, phân tích của GV mà em đã nhận ra sai lầm của mình. Em đã lấy hết can đảm để xin lỗi bạn ấy trước lớp. Từ đó em rút ra cho mình bài học là phải biết nhìn nhận lỗi sai để sửa lỗi thay vì tìm lí do để né tránh lỗi lầm của mình”. Câu trả lời của HS cho thấy em đã liên hệ từ văn bản đến câu chuyện thực tế mà bản thân đã trải

nghiệm, từ đó rút ra bài học ý nghĩa cho bản thân chứ không phải là những câu trả lời chung chung như trước thực nghiệm.

Nguyên nhân của thành công này là do: (1) câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu của GV được xây dựng bám sát các YCCĐ về kĩ năng (nhận biết, phân tích, đánh giá cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, ngôi kể,...) được lặp đi lặp lại qua ba văn bản nên từng bước đã hình thành các kĩ năng đọc cho HS; (2) trình tự câu hỏi đi từ mức

độ tư duy thấp đến cao (nhận biết đến phân tích, đánh giá) giúp các em từng bước khám phá giá trị của văn bản; (3) việc tổ chức cho HS chuẩn bị PHT ở nhà giúp HS có cơ hội đọc kĩ văn bản; (4) quá trình thảo luận, điền vào PHT nhóm là quá trình HS tương tác, trao đổi, chia sẻ, hiểu văn bản hơn.

Sau 7 tiết thực nghiệm, HS làm bài kiểm tra sau thực nghiệm, kết quả bài làm của HS được đánh giá dựa trên các tiêu chí (bảng 1).

Bảng 4: Bảng tổng hợp kết quả khảo sát sau thực nghiệm

Kĩ năng đọc hiểu		Mức đạt được				
		4	3	2	1	0
Nhận biết cốt truyện		19 (40,43%)	9 (19,14%)	19 (40,43%)	0	0
Ngôi kể	Nhận biết	47 (100%)	0	0	0	0
	Phân tích tác dụng	15 (31,91%)	12 (25,53%)	15 (31,91%)	5 (10,64%)	0
Điểm nhìn	Nhận biết	14 (29,79%)	14 (29,79%)	12 (25,53%)	7 (14,89%)	0
	Phân tích tác dụng	10 (21,28%)	13 (27,66%)	13 (27,66%)	9 (19,15%)	2 (4,26%)
Lời người kể chuyện, lời nhân vật	Nhận biết	20 (42,55%)	17 (36,17%)	8 (17,02%)	2 (4,26%)	0
	Phân tích nội dung biểu đạt	14 (29,79%)	14 (29,79%)	6 (12,77%)	12 (25,53%)	1 (2,13%)
Cảm hứng chủ đạo	Nhận biết	10 (21,28%)	19 (40,43%)	10 (21,28%)	6 (12,77%)	2 (4,26%)
	Phân tích	8 (17,02%)	21 (44,68%)	6 (12,77%)	9 (19,15%)	3 (6,38%)
	Đánh giá	8 (17,02%)	19 (40,43%)	6 (12,77%)	10 (21,28%)	4 (8,51%)
Nêu được ý nghĩa/ tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc		29 (61,70%)	10 (21,28%)	7 (14,89%)	1 (2,13%)	0

Kết quả đạt được ở giai đoạn sau thực nghiệm so với trước thực nghiệm được thể hiện qua số liệu sau:

(1) Về đọc hiểu hình thức: tỉ lệ HS đạt mức độ nhận biết các yếu tố hình thức đều tăng. Cụ thể: trước thực nghiệm tỉ lệ đạt thấp nhất là 23,40% (nhận biết điểm nhìn), cao nhất là 93,61% (nhận biết lời người kể chuyện và lời nhân vật); sau thực nghiệm: tỉ lệ thấp nhất là 85,11% (nhận biết điểm nhìn), cao nhất là 100% (nhận biết cốt truyện và nhận biết ngôi kể). Mức độ phân tích của HS cũng tăng: trước thực nghiệm đạt từ 17,03% đến 31,91%, sau thực nghiệm đạt từ 72,34% đến 89,36%. Mức độ đọc hiểu của HS cũng phát triển từ biết đến hiểu, nghĩa là HS không chỉ nhận biết mà còn phân tích được đặc trưng của các yếu tố hình thức của văn bản. Ví dụ trong bài kiểm tra sau thực nghiệm của HS mã số 15, khi xác định ngôi kể là ngôi thứ ba, HS còn phân tích được căn cứ để xác định được ngôi kể đó là: người kể không xuất hiện trong tác phẩm, không xưng “tôi”, đồng thời HS cũng phân tích được tác dụng của ngôi kể là giúp người đọc có cái nhìn bao quát về tác phẩm, thấy rõ được toàn bộ sự việc.

(2) Về đọc hiểu nội dung: mức độ nhận biết tăng từ 14,90% lên 82,97%; mức độ phân tích tăng từ 10,64% lên 74,47%; mức độ đánh giá tăng từ 8,51% lên 70,21% so với trước thực nghiệm. Tỉ lệ HS bỏ trống không trả lời các câu hỏi về đọc hiểu nội dung là 8,51% nếu so với mức cao nhất ở giai đoạn trước thực nghiệm là 68,08%.

(3) Về liên hệ, so sánh, kết nối: trước thực nghiệm có 91,49% HS vận dụng những kiến thức tiếp thu được từ văn bản để lí giải, nêu suy nghĩ, rút ra bài học nhận thức và hành động, sau thực nghiệm, tỉ lệ là 97,87%; trong đó đáng chú ý là tỉ lệ HS

đạt mức cao nhất (thể hiện được suy nghĩ, tình cảm sâu sắc, phù hợp với vấn đề được đặt ra trong văn bản) tăng 61,70%.

Có thể lí giải nguyên nhân của sự phát triển về kĩ năng đọc của HS ở ba nhóm YCCĐ như sau:

- Từ lớp 1 đến lớp 9: HS học theo chương trình 2006, GV không chú trọng dạy kĩ năng đọc hiểu văn bản mà chỉ tập trung dạy nội dung văn bản. Vì thế, khi bước vào lớp 10, học theo chương trình 2018, HS chưa có kĩ năng đọc hiểu theo thể loại.

- Các nhiệm vụ học tập mà chúng tôi thiết kế cho ba văn bản thực nghiệm đều bám sát ba nhóm YCCĐ mà chương trình Ngữ văn 2018 đã đề ra, vì thế, qua từng tiết học, HS đã từng bước học được kĩ năng đọc hiểu truyện.

- Cách tổ chức thảo luận nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân đã tạo cho HS cơ hội tự kiến tạo tri thức cho bản thân, đồng thời chia sẻ kiến thức, học hỏi lẫn nhau không chỉ về nội dung, nghệ thuật của văn bản mà còn học kĩ năng phân tích, suy luận, hợp tác, giao tiếp.

2.4.4. Đánh giá kết quả

Việc vận dụng mô hình liên kết của Biggs và Tang (2011) vào quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện đã trả lời được hai câu hỏi nghiên cứu đã nêu:

(1) Thiết kế các hoạt động dạy học, các đề kiểm tra, tiêu chí đánh giá dựa trên các YCCĐ về đọc hiểu văn bản truyện mà chương trình đã đề ra đối với HS lớp 10. Các câu hỏi trong bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm đều được đánh giá dựa trên các tiêu chí đánh giá kĩ năng đọc hiểu truyện.

(2) Các dữ liệu thu thập được trong suốt quá trình thực nghiệm (các PHT, các bài kiểm tra,...) đều cho thấy kĩ năng đọc

hiểu văn bản truyện, đặc biệt là kỹ năng đọc hiểu hình thức và nội dung đã tăng lên rõ rệt sau quá trình thực nghiệm. Bởi vì hoạt động học tập của HS được định hướng ngay từ đầu bởi các YCCĐ về kỹ năng đọc hiểu văn bản đồng thời HS được học qua tiến trình khám phá tri thức, học thông qua trải nghiệm, từ đó tự kiến tạo kiến thức, kỹ năng cho bản thân.

3. Kết luận

Trong bối cảnh thực hiện chương trình theo định hướng phát triển năng lực hiện nay, khi YCCĐ/ chuẩn đầu ra là thành tố then chốt chi phối quá trình dạy học, là căn

cứ để đánh giá năng lực HS thì việc sử dụng mô hình liên kết là một trong những giải pháp phù hợp để hình thành và phát triển năng lực cho HS. Mô hình này giúp cả người dạy lẫn người học định hướng được hoạt động dạy và học của bản thân. Để thực hiện điều này đòi hỏi GV phải hiểu rõ YCCĐ của chương trình, biết cách thiết kế các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá dựa trên YCCĐ, hướng dẫn HS từng bước trong tiến trình dạy học. Tuy nhiên, để HS thuần thục các kỹ năng, việc thực hiện mô hình này phải được thực hiện lâu dài, trong cả năm học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Biggs, J. and Tang, C. (2011). *Teaching for Quality Learning at University, Fourth edition*. Open University Press. Milton Keynes, United Kingdom, 480 pages.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Hamdoun W.M.A. (2023). *Constructive Alignment Approach: Enhancing Learning and Teaching*. British Journal of Multidisciplinary and Advanced Studies: Education, Learning, Training & Development 4 (2), 162-170.
- Potter, M. and Kustra, E. (2012). *A primer on learning outcomes and the SOLO Taxonomy*. Course Design for Constructive Alignment. Centre for Teaching and Learning, University of Windsor,

Ngày nhận bài: 11/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 26/3/2025